Phụ lục I

XÁC ĐỊNH PHẠM VI VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI

VÀ VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127 /2026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
1	**Xã Vĩnh Xương**	07	1206097 519552	Ấp Hữu Nghị	247m	
			1206153 518353	Ấp Hữu Nghị	774m	
			1206355 517786	Ấp Hữu Nghị	770m	
			1206735 517222	Ấp Hữu Nghị	668m	
			1206812 516026	Ấp Hữu Nghị	802m	
			1206809 515032	Ấp Hữu Nghị	725m	
			1206946 514379	Ấp Hữu Nghị	538m	
2	**Xã Phú Hữu**	03	1206734 513369	Ấp Phú Lợi	605m	
			1206322 512449	Ấp Phú Thành	830m	
			1207152 510689	Ấp Phú Thành	318m	
3	**Xã Nhơn Hội**	07	1207738 510244	Ấp Quốc Phú	665m	
			1205904 504902	Ấp Bắc Đai	361m	
			1205154 505090	Ấp Tắc Trúc	317m	
			1204681 504502	Ấp Tắc Trúc	233m	
			1204048 503566	Ấp Tắc Trúc	399m	
			1203095 503924	Ấp Tắc Trúc	693m	
			1201947 504179	Ấp Phú Thuận	756m	
4	**Xã Khánh Bình**	09	1208259 510398	Ấp Thạnh Phú	868m	
			1209658 511900	Ấp An Khánh	485m	
			1211564 512203	Ấp An Hòa	288m	
			1211330 511410	Ấp An Khánh	123m	
			1210901 510324	Ấp Tân Thạnh	169m	
			1210814 508620	Ấp Tân Khánh	122m	
			1209079 508020	Ấp Bình Di	106m	
			1208932 506724	Ấp Bình Di	120m	
			1208043 505572	Ấp Vạt Lài	170m	
5	**Xã An Phú**	06	1198055 505517	Ấp Phú Nghĩa	150m	
			1193588 506874	Ấp Vĩnh Hòa	209m	
			1192409 507054	Ấp Vĩnh Hòa	291m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1192510 508065	Ấp Vĩnh An	887m	
			1191742 508860	Ấp Vĩnh An	679m	
			1190124 510293	Ấp Vĩnh An	893m	
6	**Phường Châu Đốc**	06	1188761 510450	Khóm Vĩnh Chánh 1	471m	
			1187061 511130	Khóm Vĩnh Chánh 1	855m	
			1185945 510988	Khóm Vĩnh Chánh 2	529m	
			1185265 511494	Khóm Vĩnh Tân	930m	
			1184588 510594	Khóm Vĩnh Chánh 3	636m	
			1184048 509969	Khóm Vĩnh Chánh	798m	
7	**Phường Vĩnh Tế**	06	1183232 508833	Khóm Vĩnh Tây 1	919m	
			1182574 507795	Khóm Vĩnh Tây	950m	
			1182139 506742	Khóm Bà Bài	806m	
			1181510 505634	Khóm Bà Bài	795m	
			1180773 504554	Khóm Bà Bài	901m	
			1180270 503399	Khóm Bà Bài	751m	
8	**Phường Thới Sơn**	03	1179157 501749	Khóm Trung Bắc Hưng	776m	
			1178366 500388	Khóm Đông Hưng	766m	
			1177515 498003	Khóm Tây Hưng	281m	
9	**Phường Tịnh Biên**	15	1176430 497471	Khóm Phú Nhứt	937m	
			1175560 495739	Khóm Phú Nhứt	833m	
			1174769 494836	Khóm Phú Tâm	759m	
			1174135 494495	Khóm Phú Tâm	882m	
			1173668 493998	Khóm Xuân Biên	779m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1173236 493390	Khóm Xuân Biên	607m	
			1172829 493223	Khóm Xuân Hòa	731m	
			1171808 492843	Khóm Xuân Bình	802m	
			1171241 492371	Khóm Xuân Bình	697m	
			1170407 491970	Khóm Xuân Bình	661m	
			1169368 491504	Khóm Phú Cường	657m	
			1168483 491223	Khóm Phú Cường	881m	
			1167663 490568	Khóm Phú Cường	788m	
			1166658 489905	Khóm Xuân Hiệp	737m	
			1165843 489505	Khóm Xuân Hiệp	814m	
10	**Xã Ba Chúc**	05	1165215 488905	Ấp Vĩnh Phú	885m	
			1164910 488285	Ấp Vĩnh Phú	687m	
			1163949 486973	Ấp Vĩnh Phú	522m	
			1162302 485648	Ấp Vĩnh Hòa	926m	
			1162076 483786	Ấp Vĩnh Thuận	955m	
11	**Xã Vĩnh Gia**	05	1162563 482703	Ấp Vĩnh Lạc	467m	
			1162528 481985	Ấp Vĩnh Lạc	498m	
			1162140 478101	Ấp Vĩnh Hòa	896m	
			1162191 477101	Ấp Vĩnh Hòa	793m	
			1162159 476298	Ấp Vĩnh Hòa	813m	
12	**Xã Vĩnh Điều**	11	1162128 475597	Ấp Mẹt Lung	833m	
			1162065 474797	Ấp Mẹt Lung	866m	
			1162357 472534	Ấp Mẹt Lung	596m	
			1163023 470520	Ấp Nha Sáp	654m	
			1163335 469171	Ấp Nha Sáp	781m	
			1163494 468516	Ấp Cống Cả	815m	
			1163837 467240	Ấp Cống Cả	748m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1164118 465994	Ấp Cống Cả	839m	
			1164374 464831	Ấp Đồng Cừ	681m	
			1164558 463823	Ấp Đồng Cừ	553m	
			1164522 463039	Ấp Đồng Cừ	625m	
13	**Xã Giang Thành**	16	1164958 462476	Ấp Khánh Hòa	218m	
			1164945 461806	Ấp Khánh Hòa	264m	
			1163748 455565	Ấp Hòa Khánh	539m	
			1163633 455155	Ấp Hòa Khánh	451m	
			1162053 454927	Ấp Hòa Khánh	287m	
			1161561 454693	Ấp Hòa Khánh	234m	
			1160864 454885	Ấp Hòa Khánh	797m	
			1160557 453841	Ấp Rạch Gỗ	482m	
			1159897 451890	Ấp Rạch Gỗ	256m	
			1159220 452025	Ấp Rạch Gỗ	417m	
			1157790 451732	Ấp Trà Phô	247m	
			1156726 451651	Ấp Trà Phô	494m	
			1156125 451790	Ấp Trà Phô	869m	
			1155148 450286	Ấp Trà Phô	264m	
			1154800 449475	Ấp Trà Phô	223m	
			1154591 448630	Ấp Trà Phô	406m	
14	**Phường Hà Tiên**	12	1154493 447608	Khu phố 5 Đông Hồ	119m	
			1154035 447109	Khu phố 5 Đông Hồ	128m	
			1152318 447087	Khu phố 5 Đông Hồ	934m	
			1151279 445794	Khu phố 5 Đông Hồ	207m	
			1150275 444639	Khu phố 3 Đông Hồ	117m	
			1151602 443378	Khu phố Thạch Động	510m	
			1151875 443251	Khu phố Thạch Động	582m	
			1153053 442716	Khu phố	135m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
				Thạch Động		
			1152938 442377	Khu phố Thạch Động	266m	
			1152196 441960	Khu phố Mỹ Lộ	930m	
			1152545 439764	Khu phố Xà Xía	110m	
			1152386 439136	Khu phố Xà Xía	129m	
	TỔNG CỘNG	**111**				